TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Long

Bà Phạm Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Lương Thanh Hảo - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 94/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Thanh T, sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 2, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài).

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị Hải Y tại Việt Nam: Tổ dân phố 2, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 19/7/2021, nguyên đơn anh Lê Thanh T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Hải Y đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang ngày 10/9/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh, quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị Y bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống sau đó chị Y đi lao động tại nước ngoài đến nay chưa về nước, do cuộc sống vợ chồng sống xa cách nhau lâu ngày dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt đi và quan điểm về cuộc sống không đồng nhất dẫn đến không thể nói chuyện, chia sẻ với nhau, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa và hai vợ chồng đều thống nhất ly hôn. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hải Y.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 15/9/2014. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Ngọc T và không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

Ngoài ra anh T còn trình bày: Hiện nay chị Y vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chịi Y ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh có hỏi nhưng chị Y không cung cấp cho anh, chị Y vẫn liên lạc về cho bố mẹ đẻ chị Y là ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T; trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhưng ông T, bà T cũng không cung cấp địa chỉ cho anh biết nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị Y được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Y.

Cháu Lê Nguyễn Ngọc T trình bày: Cháu là con của bố Lê Thanh T và mẹ Nguyễn Thị Hải Y hiện nay cháu đang ở cùng với bố là Lê Thanh T. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với bố cháu là Lê Thanh T.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hải Y không có bản tự khai.

Ngày 23/7/2021 và ngày 09/8/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị Y là bà Trần Thị T, sinh năm 1974; trú tại: Tổ dân

phố 2, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà T thông báo cho chịi Y biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Thị Hải Y; yêu cầu chị Y viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà T cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Y ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần lập biên bản làm việc với bà T, bà T vẫn giữ nguyên quan điểm là chị Y ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Y ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị Y, đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Y biết để chị Y gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị Y gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Thanh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị Hải Y vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dụng vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh T; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của chị Y là bà Trần Thị T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn anh Lê Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Nguyễn Thị Hải Y không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chịi Y; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Hải Y là đúng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123, điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 điều 35, điểm c khoản 1 điều 37, khoản 4 điều 147, điều 271, điều 273, điều 238 khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Thanh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hải Y.

- Về con chung: Giao con chung Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 15/9/2014 cho anh Lê Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do anh

T không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị Hải Y có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chịi Y thực hiện quyền này.

Anh Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hải Y vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã lập biên bản làm việc với mẹ đẻ của chịi Y là bà Trần Thị T để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà T thông báo cho chị Y biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Thị Hải Y; Yêu cầu chị Y viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà Tuyến cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Y ở nước ngoài. Bà Trần Thị T trình bày: Chị Y ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà T vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị Y cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Y biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Hải Y theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Lê Thanh T là nguyên đơn khởi kiện xin ly chị Nguyễn Thị Hải Y, chị Y hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 16855/QLXNC-P5 ngày 28/7/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị Y xuất cảnh ngày 18/9/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị Y ở Việt Nam: Tổ dân phố 2, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Thị Hải Y kết hôn ngày 10/9/2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Neo (nay là thị trấn Nham Biền), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Theo anh T trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh, quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng

năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chịi Y bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, sau đó chị Y đi lao động tại nước ngoài đến nay chưa về nước, do cuộc sống vợ chồng sống xa cách nhau lâu ngày dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt đi và quan điểm về cuộc sống không đồng nhất dẫn đến không thể nói chuyện, chia sẻ với nhau, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa và hai vợ chồng đều thống nhất ly hôn. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hải Y.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Thanh T. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Y là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh T và chị Y chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống năm 2017 và sau đó thì chị Y đi lao động tại nước ngoài từ đó đến nay chưa về nước, vợ chồng sống đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh T và chị Y đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị Y đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Xử cho anh Lê Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hải Y

[4]. Về nuôi con chung: Anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Thị Hải Y có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 15/9/2014. Hiện nay cháu T đang ở với anh T. Ly hôn anh T đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chịi Y phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh T: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị Y đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Nguyễn Thị Hải Y từ khi đi nước ngoài thì cháu Lê Nguyễn Ngọc T vẫn do anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu phát triển bình thường về thể chất và tình thần, được đi học đầy đủ. Do đó, căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Thanh T dề nghị được nuôi con chung là Lê Nguyễn Ngọc T. Giao cho anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 15/9/2014 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Hải Y có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Y thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp chị Nguyễn Thị Hải Y về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Lê Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Lê Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hải Y.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Lê Thanh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 15/9/2014 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Hải Y có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chịi Y thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Lê Thanh T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000086 ngày 22/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Lê Thanh T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Lê Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị Hải Y hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND thị trấn N, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền